

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình Bảo vệ
và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế
giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 131/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16 tháng 7 năm 2004 về việc phê duyệt Chương trình Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi Thủy sản đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-BTS ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ Thủy sản về việc thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thủy sản tại Tờ trình số 338/TT-STTS ngày 14 tháng 8 năm 2007 về việc xin phê duyệt Chương trình Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2020” ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thủy sản, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Huế và các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thiện

CHƯƠNG TRÌNH

Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2020.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

I. NGUỒN LỢI THỦY SẢN, CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

1. Nguồn lợi thủy sản và tiềm năng phát triển kinh tế thủy sản

a) Biển Thừa Thiên Huế ở vị trí trung độ của cả nước, có bờ biển dài 128 km, diện tích phần đất liền 5.065,3km², kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, nơi dài nhất 128km (đọc bờ biển). Phần thềm lục địa biển Đông, ranh giới phía ngoài vùng biển ven bờ quy ước là 12 hải lý (tương đương 22,2km).

Vùng biển Thừa Thiên Huế có hơn 500 loài cá trong đó 30-40 loài có giá trị kinh tế cao như tôm hùm, cá chim, cá thu và các loại hải sản khác, năng suất khai thác hợp lý là 40.000 - 50.000 tấn/năm. Ngoài ra ngư dân Thừa Thiên Huế có kinh nghiệm trong việc di chuyển ngư trường theo mùa vụ nên hàng năm có thể mở rộng ngư trường khai thác hải sản từ phía biển Bắc Trung bộ đến Nam Trung bộ và ra đến vùng biển Trường Sa.

Thừa Thiên Huế còn có hơn 20 km vùng núi đá ven biển từ cửa Lăng Cô đến đảo Sơn Chà là vùng biển đa dạng sinh học, khu vực có nhiều thủy sản có giá trị cao như tôm hùm, cá mú... và là nơi có nguồn tôm, cá bố mẹ cung cấp cho các cơ sở sản xuất giống và rất thuận lợi cho việc bảo tồn phát triển nuôi các đối tượng thủy sản quý như tôm hùm, ngọc trai.

b) Đầm phá

Chiều dài hơn 70 km, diện tích 22.000 ha, là vùng đầm phá có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á, phong phú về động, thực vật, hơn 162 loài tôm trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế cao như loài tôm (tôm sú, tôm rảo), cua, cá (cá mú, cá đối, cá dìa ...). Trong đầm phá còn có nhiều loài nhuyễn thể hai vỏ khác như : ngao, sò, ốc hương, vẹm xanh,... có khả năng nuôi trồng và đánh bắt nhiều loại thủy hải sản xuất khẩu, nếu tổ chức sản xuất khai thác hợp lý, quản lý tốt, đây sẽ là nguồn lực rất lớn cho sự nghiệp phát triển thủy sản. Hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai còn có ý nghĩa lớn trong việc duy trì, bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Vùng nước nội địa (nước ngọt)

Thừa Thiên Huế có 6 con sông chính và nhiều ao hồ tự nhiên, diện tích mặt nước rộng khoảng 5.000 ha rất thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Với tiềm năng đa dạng và phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho việc qui hoạch phát triển từng vùng, đặc biệt là các địa phương miền núi có các diện tích mặt nước lớn để tái tạo và phục hồi, nuôi theo hướng bền vững từng bước xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân địa phương, góp phần chung vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hiện nay đang đầu tư Trung tâm giống thủy sản nước ngọt cấp I tạo điều kiện cung cấp dịch vụ giống và chuyên giao khoa học kỹ thuật cho bà con ngư dân nhằm đáp ứng nhu cầu bức thiết cho việc phát triển nuôi thủy sản nước ngọt.

2. Công tác tổ chức quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

a) Cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp

Sở Thủy sản là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh về quản lý thủy sản. Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản là đơn vị tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh và Sở Thủy sản quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Các phòng NNPT Nông thôn huyện giúp Ủy ban Nhân dân huyện quản lý về lĩnh vực thủy sản ở các địa phương, ở chính quyền cấp xã có cán bộ bán chuyên trách theo dõi lĩnh vực quản lý thủy sản ở những xã trọng điểm.

b) Tổ chức tập thể, hội ngành nghề

Hệ thống hội nghề cá, các nghiệp đoàn, các tổ, đội... đã được thành lập ở một số địa phương.

c) Các văn bản qui phạm pháp luật hiện hành của địa phương về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Quyết định số 1321/QĐ-UB ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thủy sản;

- Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án qui hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

3. Những vấn đề tồn tại và nguyên nhân

a) Tồn tại

Mặc dù công tác bảo vệ nguồn lợi và phát triển thủy sản đã được quan tâm thực hiện, song nguồn lợi thủy sản ở hầu hết các thủy vực tự nhiên đều có những biến động theo hướng bất lợi cho sự duy trì, tái tạo và kém bền vững cho nghề cá. Mật độ quần thể giảm, mất cân bằng sinh thái dẫn đến năng suất, sản lượng đánh bắt giảm, có vùng ngư dân không còn duy trì nghề khai thác thủy sản. Số lượng giống loài bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng, các hệ sinh thái vùng đầm phá Thừa Thiên Huế và chất lượng môi trường giảm đã làm ảnh hưởng đến sự sống của các loài thủy sinh vật.

b) Nguyên nhân

Hoạt động khai thác chưa tương xứng với tiềm năng nguồn lợi ở vùng biển và đầm phá, còn thiếu nhiều điều kiện phương tiện đánh bắt ngư trường xa bờ. Tình trạng sử dụng các công cụ, các phương pháp đánh bắt mang tính hủy diệt như xung điện, hóa chất độc hại, lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn giới hạn cho phép vẫn còn xảy ra.

Nuôi trồng thủy sản những năm gần đây phát triển nhanh, nhưng có những tác động bất lợi với nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh vật. Việc khai thác giống tự nhiên để nuôi đã làm giảm khả năng tái tạo của nhiều loài thủy sản như cá Dìa, cá Kinh, cá Mú, cá Hồng, cá Nâu, tôm Sú, tôm Rào... Diện tích đầm phá ngày càng bị thu hẹp do phát triển diện tích nuôi hạ triều trong thời gian qua.

Hệ thống các chính sách đã có nhưng chưa đủ để tháo gỡ những khó khăn về áp lực khai thác đối với ngư trường vùng đầm phá và vùng biển ven bờ.

Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở địa phương còn thiếu về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, chưa có hệ thống quản lý bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến tận cơ sở.

Sự tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của các cấp chính quyền địa phương và đặc biệt là ý thức của cộng đồng ngư dân, những người hưởng lợi trực tiếp từ nguồn lợi thủy sản có nơi rất hạn chế.

II. CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2007-2010, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Các căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Quyết định số 131/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010;
- Quyết định 25/QĐ-BTS ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ Thủy sản về việc thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010;
- Quyết định 04/2006/QĐ-BTS ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Bộ Thủy sản về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;
- Quyết định số 1321/QĐ-UB ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thủy sản;
- Công văn số 1908/BTS-KT&BVNL ngày 23 tháng 8 năm 2005 của Bộ Thủy sản về việc xây dựng Chương trình 131.

2. Mục tiêu Chương trình

a) Bảo vệ môi trường và tài nguyên thủy sinh vật là bảo tồn các loài thủy sinh vật quý, hiếm có giá trị kinh tế và khoa học đang bị đe dọa có nguy cơ tuyệt chủng nhằm đảm bảo tính đa dạng và duy trì phát triển trong tương lai.

b) Tái tạo, khôi phục hệ sinh thái thảm cỏ biển, đầm phá và các cửa sông, hồ chứa lớn đồng thời thả rạn nhân tạo, tạo sinh cảnh, nơi cư trú cho một số loài thủy sinh vật ở một số khu vực có điều kiện hoặc ưu tiên cao nhằm khôi phục và phát triển nguồn tài nguyên thủy sản, tạo điều kiện cho hoạt động khai thác thủy sản bền vững, cải thiện môi trường sống của các loài thủy sản.

c) Nâng cao nhận thức cho cộng đồng ngư dân ven biển về tầm quan trọng, khả năng tái tạo các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xác định rõ vai trò trách nhiệm của ngư dân trong việc tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

d) Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của các đơn vị chức năng và chính quyền cơ sở. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc vận động nhân dân có ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Nội dung Chương trình

a) Phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản

Các đối tượng ưu tiên phục hồi tái tạo và phát triển là tôm sú, tôm rảo, cá Dìa, cá Hồng, cá Mú, cá Nâu, cá Ông Bầu, cá Ông Hương.

Thử nghiệm sản xuất giống và ương giống các loại thủy sản bản địa có giá trị kinh tế cao để phát triển nguồn lợi thủy sản ở các thủy vực có điều kiện môi trường phù hợp và các vùng hạ triều để phục vụ chuyển đổi.

b) Tham gia Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản

Tham gia hệ thống thu thập, cung cấp dữ liệu về đa dạng thủy sinh vật và hệ thống dự báo ngư trường, mạng thông tin kết nối giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ quan nghiên cứu, quản lý do Cục Khai thác Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chủ trì.

c) Tổ chức quản lý, khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản ven bờ và đầm phá; tăng cường kiểm soát và ngăn chặn các hành vi vi phạm trong khai thác thủy sản ở biển, đầm phá, sông, suối nội đồng.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch khai thác nguồn lợi nhuyễn thể, các loài cá ở khu vực đầm phá, cửa sông và vùng ven biển; theo dõi đa dạng thủy sinh vật, hệ sinh thái, các vùng được tham gia khai thác và những vùng hạn chế khai thác theo các qui hoạch chi tiết và qui hoạch tổng thể ở vùng đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế đã được phê duyệt, để chỉ định các vùng khai thác có thời hạn nhằm bảo vệ tốt và tổ chức khai thác hợp lý, dần đưa vào lộ trình chuyển đổi nghề nghiệp theo những nghề mang tính bền vững và thân thiện với môi trường.

Kiểm soát được tình hình hoạt động nghề cá ở đầm phá, sông, suối, vùng nước nội đồng của tỉnh, giảm dần và đi đến chấm dứt tình trạng sử dụng chất nổ, xung điện, hoá chất độc trong khai thác thủy sản.

Nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường, phát huy và tăng cường sức mạnh của các tổ chức cộng đồng trong việc ngăn chặn các nghề khai thác thủy sản mang tính hủy diệt nguồn lợi và phá hủy môi trường.

d) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản cấp huyện và cấp xã, tăng cường phối hợp tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về thủy sản.

Tổ chức mạng lưới cộng tác viên bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tập huấn và hỗ trợ sinh hoạt phí; tham mưu xây dựng văn bản pháp qui áp dụng cho các lĩnh vực đặc thù về thủy sản ở địa phương; xây dựng kế hoạch phối hợp với đoàn thể quần chúng, thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân ở các địa phương nhằm nâng cao nhận thức và tự giác chấp hành tốt các qui định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

đ) Xây dựng mô hình quản lý cộng đồng nguồn lợi thủy sản

Nhằm nâng cao ý thức quản lý cộng đồng đối với ngư dân cùng một loại nghề khai thác thủy sản đồng thời thực hiện tốt các hoạt động cơ bản như hỗ trợ nhau về kỹ thuật, tương trợ khi gặp sự cố thiên tai, giám sát thực thi pháp luật, thiết lập cầu nối giữa đại diện ngư dân với ngành chủ quản và chính quyền địa phương, quản lý tốt về phát triển và vận động sự đóng góp và tham gia công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Một số dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2007 -2010

a) Dự án Ươm cá qua lạt từ nguồn giống tự nhiên của một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như Cá Diêu, cá Hồng, cá Mú... ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai nhằm đa dạng hoá đối tượng nuôi phục vụ chuyển đổi ở vùng nuôi có ô nhiễm.

- Kinh phí dự kiến:	330 triệu đồng
<i>Trong đó:</i> + Vốn ngân sách cấp :	90 triệu đồng
+ Vốn Chương trình FSPS II:	240 triệu đồng

b) Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu nghề cá Thừa Thiên Huế

- Kinh phí dự kiến:	150 triệu đồng
- Nguồn vốn Chương trình FSPS II.	

c) Dự án tăng cường kiểm soát và ngăn chặn các hành vi vi phạm trong khai thác thủy sản ở đầm phá, sông suối nội đồng.

- Kinh phí dự kiến:	1.779 triệu đồng
<i>Trong đó:</i> + Vốn ngân sách nhà nước:	1.049 triệu đồng
+ Vốn Chương trình FSPS II:	730 triệu đồng

d) Dự án Phục hồi sinh cảnh các vùng nước và tái tạo phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Kinh phí dự kiến:	480 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách nhà nước	

5. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình : 2.739 triệu đồng

<i>Trong đó:</i> + Vốn ngân sách nhà nước	: 1.619 triệu đồng
+ Vốn chương trình hỗ trợ ngành thủy sản :	880 triệu đồng
+ Vốn các tổ chức khác đóng góp	: 240 triệu đồng

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nhóm giải pháp kỹ thuật - nghiệp vụ

- Khảo sát các hồ, sông, đầm phá và các vùng mặt nước lớn để xác định các vùng mặt nước và đối tượng cần được ưu tiên phục hồi tái tạo và phát triển nguồn lợi.

- Nghiên cứu qui trình ương giống và chuyển giao, tập huấn kỹ thuật qui trình ương giống cho bà con ngư dân.

- Nghiên cứu và thiết kế các vùng đặt chà rạo tại đầm phá và Biển.

- Tổ chức thống kê thu thập phân tích số liệu nghề cá.

2. Nhóm giải pháp chính sách và quản lý

- Phát huy tính dân chủ cơ sở và phân cấp cho chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ quản lý Nhà nước và tự quản lý của cộng đồng ngư dân sử dụng ngư trường, bảo vệ nguồn lợi và môi trường vùng ven biển, đầm phá, sông suối nội đồng tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền địa phương về công tác phát triển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Khuyến khích phát triển những nghề chuôm, chà rạo nhân tạo mang tính bền vững và thân thiện với môi trường.

- Giao vùng mặt nước cho doanh nghiệp và tổ chức phát triển những ngành nghề theo các qui hoạch đã được phê duyệt.

- Giám sát việc thực thi pháp luật, thiết lập cầu nối giữa đại diện ngư dân với ngành chủ quản và chính quyền địa phương, quản lý tốt về phát triển và vận động sự đóng góp, tham gia công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế gồm:

- Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.

- Giám đốc Sở Thủy sản làm Phó Trưởng ban thường trực.

- Các thành viên là đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ủy ban Nhân dân các huyện vùng ven biển và đầm phá.

2. Triển khai thực hiện Chương trình

Sở Thủy sản là cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, trong từng đề án có sự phối hợp của các Sở, ngành là thành viên Ban chỉ đạo và cơ quan chuyên môn, trường, viện nghiên cứu, các đơn vị trong ngành, phòng chức năng quản lý thủy sản cấp huyện.

3. Các bước triển khai thực hiện

- Xây dựng chi tiết cụ thể các dự án đã được xác định trong chương trình.

- Triển khai thực hiện theo kế hoạch các dự án được duyệt.

- Sơ kết, tổng kết đánh giá, nghiệm thu các dự án theo từng giai đoạn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Thiện